

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ RIỀNG
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **29/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30/6/2020

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ RIỀNG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đinh Thị Hải**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Lê Trọng Tính**

Bà **Trần Thị Thanh Miên**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Bùi Hoàng Long** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Nguyễn Xuân Giáp - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 120/2020/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2020 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 6 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị H**, sinh năm 1991. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1985. Có đơn xin xét xử vắng mặt
Cùng địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện P, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và Bản tự khai, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T xây dựng gia đình với nhau vào năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước ngày 14/9/2010. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do ông T nghiện rượu, không chăm lo đến gia đình nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Thậm chí có lần bà khuyên bảo nhưng ông T không nghe mà còn đánh đập bà. Vợ chồng bà đã ly thân nhau từ đầu năm 2018 đến nay. Bà nhận thấy

tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T.

- *Về con chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:**

Ông và bà H xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã P, huyện B (nay là huyện P), tỉnh Bình Phước. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, khoảng 08 năm trở lại đây do bà H đi làm công nhân tại khu công nghiệp Bắc Đồng Phú nên ở xa nhà. Vì vậy, thời gian vợ chồng gặp nhau rất ít nên tình cảm giữa hai vợ chồng dần phai nhạt, hay cãi vã lẫn nhau, bất đồng trong quan điểm sống. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Bà H đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với ông, ông đồng ý ly hôn.

- *Về con chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Kiểm sát viên trình bày tại phiên tòa:**

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

- *Về nội dung vụ án*: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên cho nguyên đơn bà Ngô Thị H được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T.

Các vấn đề khác đương sự không yêu cầu nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án ly hôn do nguyên đơn bà Ngô Thị H làm đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, do bị đơn ông Nguyễn Văn T có nơi cư trú tại thôn P, xã P, huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng.

Mặc dù bà H và ông T đều có quan điểm đồng ý ly hôn nhưng ông T không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không tiến hành được phiên hòa giải theo quy định pháp luật. Các đương sự đều có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] *Về nội dung*: Bà H và ông T chung sống và xây dựng gia đình với nhau vào năm 2010 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Bù Gia Mập (nay là huyện Phú Riềng), tỉnh Bình Phước vào ngày 14/9/2010. Do đó, HĐXX xác định cuộc hôn nhân của bà H và ông T là hợp pháp, đúng quy định pháp luật.

Bà H và ông T đều có lời khai xác định cuộc sống chung vợ chồng không hạnh phúc, vợ chồng đã ly thân nhau từ năm 2018 đến nay và cùng có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của đương sự, xử cho bà H và ông T được ly hôn là phù hợp với quy định pháp luật và ý chí, nguyện vọng của đương sự.

- Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] *Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm*: Bà H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị H.

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Các vấn đề khác các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3/ Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà H đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0011529

ngày 21/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Riềng, tỉnh Bình Phước. Bà H đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H. Phú Riềng;
- TAND tỉnh Bình Phước;
- Chi cục THADS H. Phú Riềng;
- UBND xã P;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Hải